ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:444 /KH-UBND	*Hải Phòng, ngày* 01 *tháng* 11 *năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế biển tại Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW; Nghị quyết số 218/NQ-CP; Kế hoạch hành động số 121-KH/TU tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của các cấp uỷ, hệ thống chính trị, doanh nghiệp và Nhân dân thành phố.

- Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, khả thi phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm tạo động lực mới, tăng tốc và phát triển bứt phá đưa Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước.

- Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của Hải Phòng, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TW.

2. Yêu cầu

Bám sát quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chương trình hành động số 34-CTr/TW; Nghị quyết số 218/NQ-CP; Kế hoạch hành động số 121-KH/TU để cụ thể hóa thành các nhiệm vụ và giải pháp của thành phố. Phân công rõ nhiệm vụ trong từng lĩnh vực; đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện và lộ trình phù hợp, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả cao; kế thừa các nhiệm vụ đang thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, bổ khuyết để tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Xây dựng nền tảng vững chắc để Hải Phòng trở thành Trung tâm kinh tế

biển mạnh, trung tâm logistics quốc tế hiện đại; trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ biển thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Đông Nam Á, có năng lực khoa học, công nghệ ở nhiều ngành kinh tế biển đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của thế giới; hình thành mô hình quản trị không gian biển hiện đại, thống nhất, đồng bộ, dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dữ liệu số; phát triển đồng bộ chuỗi giá trị cảng biển, logistics, công nghiệp tàu thủy và thiết bị ngoài khơi; nuôi biển công nghệ cao; phát triển năng lượng tái tạo biển và một số ngành kinh tế biển mới; phát triển du lịch biển, đảo tầm khu vực và quốc tế gắn với bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái, phát huy bản sắc văn hoá biển Hải Phòng; nâng cao chất lượng đời sống cư dân biển, đảo; giữ vững quốc phòng, an ninh.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

Phấn đấu đến năm 2030, thành phố Hải Phòng có nền tảng vững chắc để trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước và đạt được một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân 13%/năm trở lên, phấn đấu đạt 14%/năm.

- GRDP bình quân đầu người: 11.247 USD/người vào năm 2030;

- Thu nhập bình quân đầu người của thành phố cao hơn 1,2 - 1,3 lần bình quân cả nước.

- Phát triển điện gió ngoài khơi: Theo tiến độ của các bộ, ngành và chủ đầu tư.

- Sản lượng hàng hóa thông qua các cảng trên địa bàn thành phố: 380 triệu tấn vào năm 2030.

- Hàng hóa/container thông qua cảng biển Hải Phòng (chưa bao gồm hàng trung chuyển quốc tế): 184,8-228,9 triệu tấn; 12,62-15,73 triệu TEU vào năm 2030.

- Hình thành trung tâm logistics hiện đại, ngang tầm quốc tế: 01 Trung tâm.

- Chi phí logistics: Phấn đấu đạt dưới 12% GRDP.

- Hình thành từ 02 - 03 doanh nghiệp vận tải biển thành phố nòng cốt có năng lực khai thác tuyến quốc tế, có khả năng huy động vốn và hợp tác với các đối tác nước ngoài.

- Phấn đấu đến năm 2030, đội tàu Việt Nam đảm nhận tối thiểu 20% lượng hàng hóa xuất nhập khẩu có nguồn hàng qua khu vực Hải Phòng, trong đó đối với một số nhóm hàng, tuyến vận tải có điều kiện thuận lợi có thể đạt tỷ lệ cao hơn.

- Tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch biển, đảo bình quân từ 14%/năm trở lên.

- Giá trị sản xuất nuôi biển tăng bình quân: Phấn đấu đạt 8%/năm.

- Tỷ trọng nuôi biển trong tổng giá trị sản xuất thủy sản: Phấn đấu đạt 15%.

- Hoàn thành 100% tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn thành phố theo quy hoạch.

- 100% các đảo có vị trí chiến lược, trọng yếu (Cát Bà, Bạch Long Vĩ) cơ bản được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ.

- Cập nhật, bổ sung 100% thông tin vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biển.

- Tỷ lệ số hóa, tạo lập dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động kinh tế biển vào hệ thống quản lý nhà nước đạt 100%.

- Phân vùng chức năng và sử dụng không gian biển thành phố Hải Phòng: đạt tỷ lệ 100%.

- Số lượng khu bảo tồn theo quy hoạch được thành lập: 02 khu.

- Tỷ lệ các khu công nghiệp, khu đô thị và cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn đạt 100%.

- 100% các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển trên địa bàn thành phố không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nilon khó phân hủy.

- 100% xe vận tải du lịch trên đảo Cát Bà sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Tỷ lệ chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý đạt 100%.

- 100% các đảo trọng yếu, dân sinh có hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định.

- 100% các di sản văn hóa biển được số hóa.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) giai đoạn 2026-2030: đạt 0,8.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển: trên 45%.

- Trên địa bàn thành phố có 01 cơ sở đào tạo trong tốp 05 trung tâm đào tạo nguồn nhân lực hàng hải, kinh tế biển chất lượng cao hàng đầu khu vực ASEAN, trong đó các ngành, lĩnh vực đào tạo Khoa học hàng hải được xếp hạng trong tốp 10 châu Á.

- 100% cư dân vùng biển, hải đảo được tiếp cận điện, nước sạch, Internet băng rộng và dịch vụ y tế, giáo dục.

- 100% công trình, dự án trọng điểm về cảng biển, năng lượng ngoài khơi, hạ tầng số biển và các công trình kinh tế biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn.

- 100% số địa phương ven biển, các đảo xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống.

- Bảo đảm an ninh toàn diện cho nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển, phối hợp củng cố hệ thống an ninh không gian tầm thấp, an ninh biển xa, an ninh biển sâu.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phấn đấu đến năm 2045, Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước; trung tâm khoa học biển hàng đầu cả nước, có vai trò dẫn dắt khu vực châu Á- Thái Bình Dương, đồng bộ với Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; là thành phố cảng biển quốc tế hiện đại, thông minh, xanh, có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực châu Á; là trung tâm hàng hải, logistics, công nghiệp và dịch vụ biển, khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực biển và hợp tác quốc tế; Các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam làm chủ lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua các Cảng của thành phố Hải Phòng có hệ thống quản trị biển số, các doanh nghiệp biển quy mô lớn, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và một số ngành biển mới có khả năng thương mại hóa; đưa Cát Bà trở thành hình mẫu về giao thông xanh, không sử dụng phương tiện nhiên liệu hóa thạch.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về xây dựng quốc gia biển mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW, Nghị quyết số 218/NQ-CP, Kế hoạch hành động số 121-KH/TU; tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò của biển, đảo và kinh tế biển trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân.

- Chuyển mạnh từ tư duy khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế biển đơn thuần sang tư duy phát triển toàn diện không gian biển; khẳng định biển là không gian phát triển chiến lược, động lực tăng trưởng mới, nơi hội tụ các lợi ích phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, đối ngoại và hội nhập quốc tế. Chuyển từ quản lý theo ngành sang quản trị không gian biển; xây dựng mô hình quản trị biển hiện đại, tổng hợp, thống nhất trên cơ sở dữ liệu số và phân vùng sử dụng không gian biển thành phố.

- Quản trị đồng bộ vùng biển, đáy biển, lòng đất dưới biển, các đảo, vùng ven biển và vùng trời trên biển, bảo đảm liên kết và điều phối hiệu quả giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương; hài hòa quan hệ giữa phát triển và bảo tồn, giữa lợi ích của thành phố với lợi ích của các tỉnh thành trong nước và lợi ích quốc gia, giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại và bảo vệ môi trường; gắn trách nhiệm điều phối với trách nhiệm giải trình.

- Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, quản trị rủi ro và hoạch định chính sách biển; mở rộng không gian phát triển của thành phố ra vùng biển ngoài 06 hải lý; chủ động tham gia và nâng cao vai trò, vị thế của thành phố Hải Phòng trong các cơ chế hợp tác, quản trị biển trên cả nước và quốc tế.

- Tổ chức triển khai công tác quản lý theo hướng giao một cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực lãnh đạo, quản trị biển cấp thành phố và cấp xã có liên quan trực tiếp đến biển.

- Tăng cường giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng và thực hiện

chủ trương, chính sách, pháp luật về biển; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn quân, toàn dân thành phố và các nguồn lực bên ngoài trong xây dựng và phát triển Hải Phòng thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước.

2. Hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quy hoạch và quản trị không gian biển

- Tập trung xây dựng, rà soát, cập nhật, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách về biển và hải đảo và các lĩnh vực liên quan trên địa bàn thành phố bảo đảm thống nhất, đồng bộ, minh bạch, ổn định, khả thi và có sức cạnh tranh cao; chủ động, tích cực đề xuất các giải pháp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, bất cập phát sinh khi áp dụng các quy định pháp luật vào thực tiễn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về biển và hải đảo, gắn trách nhiệm của cơ quan thực thi với kết quả thực hiện.

- Hoàn thành xây dựng Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ thành phố Hải Phòng phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hoàn thành phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển của thành phố bảo đảm thống nhất với các quy hoạch có liên quan, phòng ngừa, kiểm soát, xử lý xung đột, tránh chồng lấn, thiếu phối hợp trong sử dụng không gian biển.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quản lý biển làm cơ sở phục vụ điều chỉnh Quy hoạch thành phố, quản lý và phân bổ không gian biển; quan tâm cân đối nguồn lực cho công tác quản lý biển và hải đảo.

- Nghiên cứu triển khai các dự án lấn biển theo quy hoạch trên cơ sở đánh giá đầy đủ tác động và sức chịu tải của môi trường, hệ sinh thái biển; chú trọng quy hoạch đồng bộ, hiện đại các đảo và vùng ven biển, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai và nước biển dâng.

3. Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả nguồn lực; phát triển mạnh các doanh nghiệp biển có quy mô lớn

- Hoàn thiện cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển các ngành kinh tế biển; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn đầu tư; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực, địa bàn, dự án trọng điểm có sức kết nối và lan tỏa lớn; tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, tài nguyên, không gian biển và các nguồn lực khác.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các đảo Cát Bà, Cát Hải và Bạch Long Vĩ. Thúc đẩy tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao công nghệ trong các ngành công nghiệp quốc phòng, an ninh phục vụ bảo vệ chủ quyền gắn với phát triển kinh tế biển và cứu hộ, cứu nạn trên biển.

- Tiếp tục triển khai chương trình phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, phát triển mạnh các doanh nghiệp biển có năng lực cạnh tranh quốc tế. Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đa dạng các nguồn lực đầu tư cho các ngành

kinh tế biển thành phố; ưu tiên doanh nghiệp có năng lực công nghệ, quản trị quốc tế, tuân thủ môi trường, liên kết với doanh nghiệp trong nước và có kế hoạch đào tạo nhân lực địa phương.

- Tiếp tục phát huy ba không gian phát triển: Khu thương mại tự do tập trung hải quan số, trung chuyển, thương mại, tài chính và logistics giá trị cao; Khu kinh tế ven biển phía Nam tập trung cảng Nam Đồ Sơn, công nghiệp xanh và logistics quy mô lớn; Khu kinh tế chuyên biệt làm hậu phương công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và kho vận.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực biển chất lượng cao

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo biển:

+ Tiếp tục triển khai Chương trình số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; tập trung nguồn lực cho nghiên cứu và phát triển (R&D) và hoàn thiện cơ chế đặt hàng nghiên cứu.

+ Phát huy tối đa năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ biển của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Phân viện Hải dương học Hải Phòng, Viện Y học biển, các cơ sở đào tạo nghề, các doanh nghiệp cảng, logistics, đóng tàu và các tổ chức nghiên cứu trên địa bàn thành phố. Tổ chức liên kết các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp và đơn vị quản lý trên địa bàn thành hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo biển; hình thành cơ chế điều phối chung đối với các chương trình nghiên cứu liên ngành, sử dụng hạ tầng và thiết bị dùng chung, dữ liệu, khảo sát, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

+ Nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao và phát triển các công nghệ biển, đại dương tiên tiến; khuyến khích phát triển công nghệ lưỡng dụng. Tham gia liên kết thực hiện Đề án quốc gia về tàu nghiên cứu biển sâu lưỡng dụng. Từng bước hình thành hệ thống hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm và thiết bị khoa học, công nghệ biển dùng chung; ưu tiên kiểm kê, kết nối và khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có, xây dựng cơ chế tiếp cận, sử dụng, chia sẻ chi phí vận hành và dịch vụ nghiên cứu giữa các viện, trường, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Đầu tư mới tập trung vào những hạ tầng còn thiếu, có nhu cầu sử dụng thường xuyên và có khả năng phục vụ nhiều tổ chức.

+ Xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm, trình diễn, đánh giá, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ biển, hàng hải; nghiên cứu áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, mô hình và lĩnh vực biển mới thuộc phạm vi thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét đối với các nội dung vượt thẩm quyền của thành phố.

+ Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình Khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030; rà soát, cập nhật các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo biển, hàng hải phù hợp với Nghị quyết số 20-NQ/TW và định hướng phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ về biển. Ưu tiên

các nhiệm vụ có tính liên ngành, có địa chỉ ứng dụng, gắn với nhu cầu của cơ quan quản lý, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo; tăng cường thử nghiệm, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Phát triển hạ tầng số, dữ liệu và chuyển đổi số ngành biển:

+ Phát triển hạ tầng số biển, mạng 5G, Internet vạn vật (IoT), trung tâm dữ liệu và các nền tảng dùng chung cho chính quyền và doanh nghiệp; ưu tiên cho khu vực cảng biển, khu công nghiệp, khu kinh tế, các xã/phường ven biển và hai đặc khu.

+ Xây dựng kiến trúc dữ liệu biển thống nhất, chuẩn hóa tiêu chuẩn chia sẻ và bảo đảm an toàn thông tin, kết nối đồng bộ với nền tảng số thành phố; tích hợp, cập nhật và khai thác hiệu quả vào Cơ sở dữ liệu biển quốc gia.

+ Tiếp tục số hóa toàn diện thủ tục hành chính tại khu vực cảng, logistics, khu kinh tế, du lịch Cát Bà, hệ thống giám sát tàu cá và quan trắc môi trường. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ quan trắc và hệ thống giám sát thông minh trong quản trị biển thế hệ mới.

- Phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao và xây dựng trung tâm khoa học và công nghệ quốc tế:

+ Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; hình thành mạng lưới các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức khoa học, công nghệ có khả năng tham gia các chương trình nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ quốc tế; giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Phát triển các chương trình đào tạo sau đại học và đào tạo quốc tế gắn trực tiếp với nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm và dự án doanh nghiệp; tăng cường thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư và kỹ thuật viên trình độ cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ biển trọng điểm.

+ Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế biển chủ lực (cảng, logistics, đóng tàu, du lịch, thủy sản, môi trường, năng lượng). Xây dựng Chương trình phát triển nguồn nhân lực biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tập trung vào 05 nhóm ngành, lĩnh vực: Quản trị cảng và logistics số; Kỹ thuật tàu và thiết bị ngoài khơi; Khoa học dữ liệu, quan trắc và môi trường biển; Nuôi biển công nghệ cao; Du lịch di sản, cứu hộ và quản lý đặc khu.

+ Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ về biển; gắn đào tạo, phát triển nguồn nhân lực với nhu cầu nhân lực của các ngành, lĩnh vực kinh tế biển trọng điểm của thành phố.

- Đảm bảo nguồn lực đầu tư và năng lực quản lý nhà nước:

+ Bố trí nguồn lực đồng bộ phương tiện, thiết bị hiện đại phục vụ công tác quản lý nhà nước về biển đảo; nâng cao năng lực quan trắc, phân tích môi trường biển và cảnh báo sớm rủi ro trên biển; ưu tiên ngân sách cho các hoạt động khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực biển.

+ Triển khai chính sách thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố đối với các ngành/chuyên ngành về biển, đại dương học; khoa học, kỹ thuật, công nghệ biển; kinh tế biển; quản trị biển… tại các cơ quan, địa phương, đơn vị trong hệ thống chính trị để xây dựng Hải Phòng thành một trong những trung tâm kinh tế biển mạnh nhất cả nước.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các ngành, lĩnh vực biển mới

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số toàn diện các ngành, lĩnh vực biển; ưu tiên phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh và dịch vụ biển thông minh, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong phạm vi 06 hải lý, mở rộng ra phạm vi ngoài 06 hải lý, gắn phát triển kinh tế biển với đảm bảo an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường.

- Phát triển hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại theo thứ tự ưu tiên: (1) Kinh tế hàng hải và logistics; (2) Du lịch biển và dịch vụ; (3) Thủy sản và nuôi biển; (4) Khai thác tài nguyên khoáng sản biển; (5) Công nghiệp tàu thủy và thiết bị ngoài khơi; (6) Năng lượng tái tạo biển; (7) Các ngành kinh tế biển mới. Theo đó:

5.1. Đối với kinh tế hàng hải và logistics

- Tham mưu, báo cáo các bộ, ngành trung ương và Chính phủ nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển đội tàu biển Việt Nam gắn với các trung tâm hàng hóa lớn, trong đó Hải Phòng là một địa bàn trọng điểm.

Trong đó đề xuất cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp vận tải biển và đội tàu trong nước nâng cao năng lực tài chính thông qua các kênh huy động vốn tín dụng ưu đãi; phát hành trái phiếu doanh nghiệp; thành lập quỹ đầu tư hoặc cơ chế tài chính chuyên biệt để đầu tư mới, thuê mua tàu, thuê tàu dài hạn; chia sẻ rủi ro đối với các dự án đội tàu có hợp đồng vận chuyển dài hạn; có chính sách phù hợp về thuế, phí và lệ phí đối với nhập khẩu tàu, đăng ký tàu, hàng hải, sử dụng kết cấu hạ tầng và chính sách đối với tàu xanh, tàu tiết kiệm năng lượng…nhằm phát triển đội tàu container, hàng rời và tàu chuyên dụng có trọng tải lớn, hiện đại, an toàn, xanh và có sức cạnh tranh quốc tế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn hàng xuất nhập khẩu của Hải Phòng và vùng kinh tế phía Bắc, trong đó xác định: Chủ hàng, sản lượng, tuyến, thị trường, cỡ tàu, tần suất vận chuyển, chi phí logistics, hãng tàu đang đảm nhận, khả năng chuyển sang doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam. Trên cơ sở đó xây dựng danh mục "nguồn hàng mục tiêu" để doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp vận tải biển, hãng tàu Việt Nam tiếp cận.

- Nâng cao tỷ trọng hàng hoá xuất nhập khẩu qua khu vực cảng Hải Phòng do doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam đảm nhận. Hỗ trợ liên kết giữa các doanh nghiệp cảng biển - logistics - vận tải biển - công nghiệp - thương mại, hình thành hệ sinh thái dịch vụ hàng hải có khả năng cung cấp chuỗi dịch vụ trọn gói… nhằm nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống cảng biển, tăng thị phần vận tải biển của các doanh nghiệp trong nước và tạo môi trường thuận lợi để các

nhà đầu tư, hãng tàu yên tâm đầu tư, mở rộng hoạt động và phát triển đội tàu tại Hải Phòng.

- Hình thành một số tuyến vận tải biển quốc tế thường kỳ do doanh nghiệp Việt Nam khai thác, trước mắt tập trung nâng cao năng lực vận tải nội Á, các tuyến Đông Bắc Á - Đông Nam Á và từng bước mở rộng đến các thị trường châu Âu, Bắc Mỹ và các thị trường có nguồn hàng lớn.

Phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các doanh nghiệp cảng và doanh nghiệp vận tải nghiên cứu các tuyến vận tải biển từ Hải Phòng đi Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN; các tuyến kết nối Ấn Độ, Trung Đông; sau năm 2030 nghiên cứu tuyến trực tiếp châu Âu và Bắc Mỹ; ưu tiên tuyến có nguồn hàng hai chiều.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics hàng hải theo hướng hiện đại, đồng bộ và có tính liên kết cao, phát huy lợi thế cảng biển Hải Phòng, kết nối hiệu quả với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không, hình thành mạng lưới logistics đa phương thức, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế trung tâm logistics của thành phố.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ: Tài chính tàu biển; cho thuê tài chính; bảo hiểm thân tàu; bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu; bảo hiểm hàng hóa, môi giới thuê tàu; đại lý hàng hải, tư vấn pháp lý hàng hải.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính thông qua số hóa, cắt giảm thời gian thực hiện các thủ tục tàu vào, rời cảng; thủ tục tại hải quan, cảng vụ, biên phòng; thủ tục kiểm dịch, đăng ký tàu, chứng từ hàng hóa.

5.2. Đối với công nghiệp tàu thủy - công trình biển và thiết bị ngoài khơi

- Tiếp tục tái cơ cấu, khôi phục và phát triển ngành đóng tàu theo hướng hiện đại, xanh, có tính liên kết hệ sinh thái, phát huy hiệu quả các cơ sở đóng tàu hiện có tại Thủy Nguyên và các khu vực công nghiệp, dịch vụ ven sông; hình thành chuỗi giá trị công nghiệp tàu thủy gắn với cơ khí chế tạo, điện - điện tử, vật liệu, cảng biển, logistics và dịch vụ hàng hải.

- Tập trung nâng cao năng lực đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng, cải hoán và chuyển đổi tàu biển; phát triển tàu dịch vụ, tàu cá an toàn, tàu tuần tra, tìm kiếm cứu nạn, tàu sử dụng điện hoặc nhiên liệu sạch. Mở rộng sản xuất thiết bị, công trình hạ tầng, thiết bị nổi và phương tiện phục vụ kinh tế biển, nhất là điện gió ngoài khơi, nuôi biển và dịch vụ hậu cần ngoài khơi; từng bước tham gia sản xuất mô-đun, kết cấu thép, chân đế, trạm biến áp, cáp và các thiết bị phụ trợ cho điện gió ngoài khơi.

Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xử lý dứt điểm tồn tại tại các doanh nghiệp đóng tàu thuộc diện tái cơ cấu trên địa bàn; rà soát quy hoạch, quỹ đất, mặt bằng sản xuất, xây dựng danh mục dự án ưu tiên để thu hút nhà đầu tư có năng lực tài chính, công nghệ và thị trường quốc tế tham gia khôi phục ngành đóng tàu

- Hình thành cụm liên kết công nghiệp tàu thủy - thiết bị ngoài khơi, kết nối doanh nghiệp đóng tàu với doanh nghiệp cơ khí, điện - điện tử, vật liệu, công nghệ số, trường đại học, cơ sở nghiên cứu, kiểm định, đăng kiểm và dịch vụ

hàng hải; khuyến khích doanh nghiệp có năng lực giữ vai trò dẫn dắt, tạo điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia sâu vào chuỗi cung ứng, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ chống ăn mòn, tự động hóa, robot kiểm tra, số hóa thiết kế và quản lý vòng đời tàu. Nghiên cứu cơ chế, chương trình đặt hàng phù hợp đối với các sản phẩm, dịch vụ ưu tiên như tàu giảm phát thải, thiết bị cứu nạn, lồng nuôi biển, phương tiện không người lái và kết cấu, thiết bị phục vụ điện gió ngoài khơi, qua đó tạo thị trường, thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

5.3. Đối với du lịch biển và dịch vụ

- Tiếp tục phát triển du lịch và dịch vụ biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu và có sức cạnh tranh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa biển.

- Tiếp tục phát triển Cát Bà thành trung tâm du lịch quốc tế và "đảo xanh", Đồ Sơn - Nam Đồ Sơn thành trung tâm du lịch biển, nghỉ dưỡng, thể thao và dịch vụ đa chức năng; liên kết các điểm du lịch biển đảo thành phố với Vịnh Hạ Long, Côn Sơn - Kiếp Bạc và các điểm văn hóa, nông thôn phía Tây thành chuỗi sản phẩm đa dạng.

- Xây dựng kế hoạch quản lý sức chịu tải và hệ thống quản lý khách tích hợp cho khu vực Cát Bà, đồng bộ với Quảng Ninh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, ưu đãi có chọn lọc nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn du lịch lớn đầu tư phát triển du lịch trên cơ sở phát huy tổng thể lợi thế biển - đảo - đô thị cảng gắn với không gian văn hóa, sinh thái, làng nghề. Từng bước hình thành không gian du lịch từ biển đến nội đô, phát triển các trung tâm du lịch tầm quốc gia và quốc tế.

- Phát triển các công ty du lịch của thành phố có thương hiệu mạnh, năng lực quản trị hiện đại, sức cạnh tranh cao, giữ vai trò dẫn dắt lữ hành trong nước, quản lý điểm đến, nền tảng du lịch nội địa, nền tảng lữ hành tích hợp, du lịch cao cấp và kinh tế đêm. Hỗ trợ doanh nghiệp thành phố tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và hệ thống phân phối toàn cầu; kiến tạo chuẩn hoá môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm các điều kiện cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, cộng đồng dân cư hoạt động kinh doanh du lịch hiệu quả.

- Nâng cao năng lực quản trị du lịch hiện đại, bền vững thông qua cơ chế điều phối và liên kết đa ngành; nâng cao vai trò điều phối của Ban Chỉ đạo phát triển du lịch thành phố bảo đảm phát triển gắn với quy hoạch, không gian kinh tế, phát triển đô thị, bảo tồn văn hoá, bảo vệ môi trường; kết nối doanh nghiệp, hình thành chuỗi giá trị du lịch đồng bộ, hiệu quả.

5.4. Đối với thủy sản và nuôi biển

- Tiếp tục chống khai thác IUU, quản lý đội tàu, bảo vệ nguồn lợi, nâng cấp hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn ở Bạch Long Vĩ, Đồ Sơn, Cát Bà. Cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với các vùng sinh thái. Tiếp tục chuyển từ khai thác ven bờ

sang bảo vệ, phục hồi nguồn lợi, nuôi biển công nghệ cao và dịch vụ hậu cần. Phát triển nuôi biển theo chuỗi có truy xuất nguồn gốc, giống chất lượng, thức ăn bền vững, quan trắc môi trường, bảo hiểm rủi ro và hợp đồng tiêu thụ.

- Bố trí, sắp xếp hoạt động nuôi biển một cách an toàn, khoa học, phù hợp với quy hoạch chung của thành phố, quy hoạch liên quan. Khai thác, sử dụng tiềm năng mặt nước nuôi biển hợp lý, phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản trên cơ sở cân đối giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản có hiệu quả và phát triển bền vững. Phát triển ngành công nghiệp nuôi biển đạt trình độ tiên tiến với phương thức quản lý hiện đại. Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi biển ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến (tuần hoàn, đa bậc…) trên các đảo xa bờ (Bạch Long Vĩ, Cát Bà).

- Phát triển hợp lý số lượng tàu khai thác vùng khơi theo hạn ngạch được giao; cơ cấu lại số lượng tàu thuyền ở vùng lộng, vùng ven bờ. Phát triển khai thác hải sản vùng khơi theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; giảm số lượng tàu vùng ven bờ, từng bước giảm áp lực khai thác thủy sản gắn với bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Về nuôi biển:

+ Phát triển đa dạng các đối tượng nuôi biển phù hợp với điều kiện sinh thái của thành phố, trong đó ưu tiên phát triển các đối tượng nuôi chủ lực, đối tượng nuôi có giá trị kinh tế, có thị trường tiêu thụ và lợi thế cạnh tranh như nhóm cá biển, nhóm giáp xác, nhóm nhuyễn thể… với phương thức nuôi công nghiệp. Phát triển các mô hình nuôi đa loài phù hợp với từng vùng sinh thái, sức tải môi trường gắn với bảo vệ, phát triển nguồn lợi và đồng quản lý ở vùng bãi triều và trong đất liền. Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, bao gồm các hạng mục đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục hạ tầng thiết yếu phục vụ các vùng nuôi biển.

+ Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ mới trong sản xuất giống chất lượng cao; các công nghệ nuôi biển, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm, các giải pháp phòng chống dịch bệnh trong nuôi biển. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ tự động hóa để vận hành và giám sát các hoạt động nuôi biển.

+ Hình thành các đội tàu dịch vụ hậu cần phục vụ nuôi biển theo hướng đa chức năng, từ vận chuyển giống đến thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

+ Nghiên cứu thí điểm mô hình nuôi biển công nghiệp vùng biển hở; mô hình nuôi biển ứng dụng công nghệ tiên tiến (lọc tuần hoàn, đa bậc…) trên đất liền tại các đảo xa bờ (Bạch Long Vĩ, Cát Bà).

- Về khai thác:

+ Khuyến khích cải hoán, nâng cấp tàu cá đảm bảo an toàn cho người và phương tiện, nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ.

+ Hình thành các chuỗi liên kết từ cung ứng vật tư đến khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản; phát triển các nghiệp đoàn nghề cá, tổ đội sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp trong khai thác và hậu cần dịch vụ thủy sản.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, quản lý tàu cá, nâng cao năng suất, giảm tổn thất sau thu hoạch, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; cơ giới hóa trong khai thác, giảm sức lao động của ngư dân.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển thủy sản của Trung ương và thành phố. Khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư trong lĩnh vực thủy sản; thu hút các doanh nghiệp đầu tư công nghiệp hỗ trợ, chế biến sản phẩm áp dụng công nghệ tiên tiến để tạo sản phẩm có giá trị gia tăng.

5.5. Đối với khai thác tài nguyên khoáng sản biển

- Tăng cường điều tra cơ bản, thăm dò và đánh giá tiềm năng khoáng sản cát biển tại các khu vực cửa sông, ven biển có tiềm năng, ưu tiên những vùng không ảnh hưởng đến luồng hàng hải và hệ sinh thái trên biển.

- Rà soát, điều chỉnh và công bố công khai quy hoạch khai thác cát biển phù hợp với quy hoạch không gian biển, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển cảng biển thành phố.

- Quản lý, khai thác hợp lý, bền vững gắn với bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; kiểm soát chặt chẽ sản lượng, công suất và thời gian khai thác, ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, vượt công suất gây sạt lở bờ biển và bồi lắng luồng tàu, đặc biệt bảo đảm an toàn luồng hàng hải vào hệ thống cảng biển thành phố (Lạch Huyện, Đình Vũ, Nam Đồ Sơn). Yêu cầu các đơn vị khai thác thực hiện đầy đủ đánh giá tác động môi trường, quan trắc định kỳ và phục hồi môi trường sau khai thác.

- Ưu tiên cấp phép cho các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, ít tác động như hút cát có kiểm soát độ sâu, giám sát bằng GPS/AIS và xử lý nước thải tại chỗ. Khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi sang công nghệ xanh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên cát biển, ứng dụng công nghệ viễn thám, AI và IoT để giám sát thời gian thực.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản công khai, minh bạch; quy định rõ vùng cấm, vùng hạn chế quanh các luồng hàng hải và khu vực dễ sạt lở;

- Tăng cường thanh tra liên ngành, yêu cầu ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường và kết hợp chặt chẽ hoạt động khai thác với tuần tra, kiểm soát trên biển nhằm bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

5.6. Đối với năng lượng tái tạo biển

- Phát triển năng lượng tái tạo và các ngành, lĩnh vực biển mới, đặc biệt là điện gió ngoài khơi, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo theo quy hoạch được duyệt, từng bước xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm năng lượng sạch hàng đầu cả nước.

- Tiếp tục thực hiện chương trình bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển nguồn điện sạch và hạ tầng lưới điện.

- Tham gia lựa chọn nhà đầu tư theo quy định và chuẩn bị chuỗi cung ứng; phấn đấu có ít nhất một dự án điện gió ngoài khơi đủ điều kiện quyết định đầu tư hoặc khởi công trên vùng biển thành phố khi Trung ương hoàn thiện cơ chế.

5.7. Đối với các ngành kinh tế biển mới

Đẩy mạnh nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ sinh học biển, dược liệu, y học biển, công nghệ khử mặn, nghiên cứu phát triển hydro xanh, amoniac xanh, năng lượng sóng, áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình kinh tế biển mới…

6. Phát triển hạ tầng biển đồng bộ, hiện đại và mở rộng không gian phát triển thành phố

- Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng biển, ven biển, hải đảo và hạ tầng kết nối.

Tiếp tục đầu tư nhằm nâng cao vị thế của hệ thống cảng biển Hải Phòng trong mạng lưới hàng hải quốc tế. Khai thác hiệu quả các bến cảng thuộc khu vực Lạch Huyện, các khu bến Đình Vũ, khu bến Nam Đình Vũ, các bến cảng hiện hữu và hệ thống cảng thủy nội địa. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng bến số 7 đến bến số 10 khu bến Lạch Huyện; chuẩn bị xây dựng bến số 11-12 khu bến Lạch Huyện, luồng hàng hải và hạ tầng dùng chung theo quy hoạch; triển khai các bến khởi động khu bến Nam Đồ Sơn. Tập trung phát triển hệ thống cảng biển theo hướng xanh, thông minh, phấn đấu đến năm 2030 có 100% cảng biển của thành phố đạt tiêu chí cảng xanh.

Khẩn trương triển khai đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08), đoạn qua thành phố Hải Phòng và 09 km trên địa bàn tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên); nghiên cứu xây dựng tuyến kết nối sân bay Gia Bình với cảng Lạch Huyện; hoàn thiện các tuyến đường ven biển, các tuyến kết nối cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp và các địa phương trong vùng. Đẩy nhanh xây dựng nhà ga hành khách T2, nhà ga hàng hóa và mở rộng sân đỗ máy bay tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi. Tập trung thực hiện Dự án tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh theo chỉ đạo của Trung ương. Đẩy nhanh hình thành các trung tâm logistics quy mô lớn và các khu dịch vụ logistics gắn với hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược về cảng biển, hàng không, đường sắt, đường bộ và cảng thủy nội địa.

Xây dựng đặc khu Bạch Long Vĩ trở thành trung tâm kinh tế - quốc phòng khu vực vịnh Bắc Bộ; đầu tư xây dựng và nâng cấp hạ tầng thiết yếu tích hợp gồm cấp nước sạch và nước dự phòng, năng lượng phân tán, viễn thông hai tuyến độc lập, trung tâm y tế quân dân y, xử lý chất thải, giao thông nội đảo, nơi tránh trú, cứu nạn và hạ tầng phục vụ nghề cá. Đối với Cát Hải, ưu tiên giao thông công cộng xanh, quản lý lưu lượng khách du lịch và phương tiện giao thông đường bộ vào đảo, cấp thoát nước và xử lý chất thải phù hợp sức chịu tải.

- Ưu tiên đầu tư phát triển các công trình hạ tầng chiến lược, lưỡng dụng, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Phát triển các khu kinh tế ven biển theo hướng hiện đại, đa ngành, đa chức năng, gắn kết chặt chẽ với các trung tâm kinh tế và hành lang kinh tế biển. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để thúc đẩy môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, thuận lợi, có năng lực cạnh tranh quốc tế cao để phát triển các khu kinh tế chuyên biệt, khu thương mại tự do và các cụm

công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển.

- Phát triển hệ thống đô thị biển hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Ưu tiên đầu tư phát triển, kiên cố hóa các công trình văn hóa, xã hội tại các đảo, vùng ven biển.

- Nghiên cứu mở rộng quy hoạch lấn biển ở những khu vực có tiềm năng và còn nhiều dư địa phát triển, đặc biệt ở đảo Bạch Long Vĩ để mở rộng không gian phát triển kinh tế kết hợp với nâng cao tiềm lực quốc phòng.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các địa phương ven biển, hải đảo

- Khẩn trương xây dựng và triển khai Chương trình tổng hợp quản lý vùng bờ thành phố phù hợp với Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó chú trọng khai thác, phát triển bền vững các vùng đất ven biển và vùng biển ven bờ.

- Chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, đảo và vùng ven biển. Phục hồi nguồn lợi thủy sản; mở rộng, quản lý hiệu quả hệ thống khu bảo tồn biển, các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao; bảo vệ, phục hồi và phát huy giá trị của các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô, bãi triều và các vùng sinh thái đặc thù.

- Tập trung tuyên truyền và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Kiểm soát chặt chẽ, chủ động xử lý nguy cơ gây ô nhiễm từ các hoạt động, các nguồn thải từ đất liền, ven biển, hải đảo và trên biển; đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn, chủ động tham gia thị trường các-bon; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU về chuyển đổi xanh: cảng xanh, khu công nghiệp sinh thái, giảm nhựa dùng một lần, nâng tỷ lệ xử lý chất thải, chuyển đổi giao thông và sản xuất ít phát thải. Tiếp tục kiểm soát nguồn thải ra biển, sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất, hoạt động nạo vét và đổ chất nạo vét.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống đê biển gắn với tuyến đường bộ ven biển, công trình phòng, chống thiên tai, xâm nhập mặn; phục hồi và phát triển các vành đai sinh thái chắn sóng, chắn gió, rừng phòng hộ ven biển; phòng, chống xói lở, bảo vệ đường bờ biển, địa hình tự nhiên, cảnh quan và không gian biển.

- Nâng cao năng lực điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo và cảnh báo sớm thiên tai, môi trường biển, xâm nhập mặn và các rủi ro sinh thái. Rà soát, đánh giá toàn diện nguy cơ và thiết lập kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xử lý các vấn đề ngập lụt đô thị đối với các khu đô thị, hạ tầng ven biển và công trình cũ.

- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội trong bảo vệ, phục hồi, quản lý và phát huy giá trị bền vững của các khu bảo tồn biển, vườn quốc gia và các hệ sinh thái biển.

8. Phát triển văn hóa biển, nâng cao đời sống cư dân vùng biển, ven biển và hải đảo

- Tiếp tục phát huy truyền thống "Thành phố Anh hùng", bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa, lịch sử, lễ hội, nghề truyền thống của cư dân ven biển, tri thức dân gian và xây dựng sản phẩm văn hóa - du lịch gắn với bản sắc văn hóa biển thành phố Hải Phòng. Đến năm 2030, số hóa 100% các di sản văn hóa biển thuộc danh mục quản lý. Hình thành văn hóa ứng xử hài hòa với biển, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái biển và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát huy vai trò của cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo trong phát triển không gian biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Củng cố thế trận lòng dân trên biển; phát huy vai trò của ngư dân, cư dân trên biển là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng thiết yếu đối với vùng ven biển và hải đảo. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng biển, đảo; bảo đảm sinh kế bền vững, khả năng tiếp cận ngày càng tốt hơn cơ hội phát triển và các dịch vụ xã hội thiết yếu, nhất là y tế, giáo dục.

- Thu hút người dân sinh sống, bám biển, bám đảo, phát triển kinh tế, bố trí ổn định dân cư; hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững tại đảo Bạch Long Vĩ; thúc đẩy chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ việc làm đối với người dân sinh sống trên đảo Cát Bà, Cát Hải và các vùng ven biển, đặc biệt ở những nơi bị mất sinh kế truyền thống do đầu tư phát triển các dự án kinh tế biển.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh biển; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế về biển

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố phải gắn với yêu cầu bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên phát triển quốc phòng theo hướng tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại.

- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đi vào chiều sâu, thực chất; tiếp tục xây dựng vững chắc thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân vùng biển, đảo; quyết liệt đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, tham nhũng, kinh tế, buôn lậu đường biển, tội phạm có tổ chức; phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, các đường dây đưa tàu cá và ngư dân ra nước ngoài khai thác hải sản trái pháp luật.

- Tăng cường quản lý xuất nhập cảnh; bảo đảm an ninh, trật tự đối với các hoạt động đầu tư, khảo sát, nghiên cứu khoa học, du lịch và hợp tác quốc tế có yếu tố nước ngoài liên quan biển, đảo và các khu vực, công trình trọng điểm; chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Chú trọng xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển, đảo theo định hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực trở thành lực lượng nòng cốt, kiểu mẫu, làm chỗ dựa cho phát triển đội tàu cá hiện đại.

- Tăng cường nắm tình hình, hiệp đồng lực lượng, bảo vệ hạ tầng biển

trọng yếu và an ninh mạng. Xây dựng Hệ thống giám sát và chia sẻ thông tin, tình huống trên biển, tích hợp dữ liệu dân sự đủ điều kiện từ AIS, VTS, thời tiết, tàu cá, cảng, quan trắc và camera; quản lý riêng dữ liệu quốc phòng, an ninh.

- Hoàn thiện gói hạ tầng lưỡng dụng tại Bạch Long Vĩ, xác định rõ đất quốc phòng và đất phát triển kinh tế; nâng cấp thông tin, nước, y tế, cảng, kho dự phòng, năng lượng, quan sát, tìm kiếm cứu nạn; tổ chức hiệp đồng lực lượng, dân quân, ngư dân và doanh nghiệp. Hoạt động thí điểm kinh tế phải phục vụ năng lực bám đảo, không ảnh hưởng quan sát, thông tin, cơ động và khu vực phòng thủ.

- Chủ động mở rộng hợp tác, liên kết với các địa phương ven biển, các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng sông Hồng, các cơ quan Trung ương, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong phát triển kinh tế biển, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và nâng cao năng lực quản trị biển.

- Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đối ngoại, ngoại giao kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và công nghệ sạch; kết nối các cảng biển lớn trên thế giới với hệ thống cảng biển Hải Phòng; đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương để xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, giữ vững an ninh quốc phòng, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, phát triển bền vững, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ thực hiện

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

- Các đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ.

- Phân công chủ trì theo dõi thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW tại phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển; thiết lập cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng và quy trình phối hợp trong xử lý các vấn đề phát sinh trên biển của thành phố thống nhất với chỉ đạo của Chính phủ.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thông tin, truyền

thông về kết quả triển khai Kế hoạch này; tạo đồng thuận xã hội, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, người dân và cộng đồng vùng biển, đảo.

5. Các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Chủ động chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng nội dung Kế hoạch này và Kế hoạch 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh đến cán bộ, đảng viên, các tổ chức, cá nhân và các tầng lớp Nhân dân, bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc thù của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Yêu cầu:

+ Đảm bảo tuyên truyền thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm; tập trung làm rõ mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV; Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Thành ủy.

+ Việc tổ chức tuyên truyền tại cấp thành phố và cấp xã hoàn thành trong tháng 11 năm 2026.

- Các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có biển căn cứ nội dung kế hoạch, chức năng, nhiệm vụ được giao:

+ Chủ trì và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động trong Phụ lục Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và chủ trì theo dõi thực hiện.

+ Xây dựng Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí; đồng thời, có trách nhiệm chủ động huy động nguồn tài chính, ưu tiên nguồn xã hội hóa, quản lý và sử dụng nguồn lực để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

+ Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng đúng nội dung, tiến độ theo yêu cầu được giao theo Kế hoạch.

+ Tiếp tục thực hiện các nội dung, giải pháp, đề án, dự án, nhiệm vụ đã được giao tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm triển khai Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Đối với các nhiệm vụ, đề án, dự án đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố nhưng có nội dung liên quan trực tiếp đến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW: tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đã được

duyệt; đồng thời chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu mới theo Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch này. Trường hợp cần điều chỉnh mục tiêu, nội dung, quy mô, kinh phí hoặc thời gian thực hiện, cơ quan chủ trì nhiệm vụ, đề án, dự án tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

+ Đối với các nhiệm vụ, đề án, dự án tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố chưa triển khai hoặc đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, phê duyệt: cơ quan được giao chủ trì có trách nhiệm rà soát, đối chiếu với nội dung Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch này. Nếu các nhiệm vụ, đề án, dự án vẫn phù hợp, tiếp tục hoàn thiện thủ tục để triển khai, trong đó lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch này. Trường hợp không còn phù hợp với Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch này thì cơ quan chủ trì chủ động tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét cho dừng thực hiện.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội; kịp thời tổng hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền, góp phần tạo sự thống nhất trong nhận thức và đồng thuận trong hành động, bảo đảm tổ chức thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW đạt hiệu quả, thiết thực.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc tổ chức các diễn đàn, hội nghị đối thoại, tọa đàm với Nhân dân, doanh nghiệp, chuyên gia và các tổ chức thành viên nhằm tuyên truyền sâu rộng các vấn đề liên quan đến việc triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW.

7. Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện **trong tháng 11/2026**; chỉ đạo, định hướng báo chí thông tin, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình số 34-CTr/TW, Kế hoạch hành động 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Thành ủy và Kế hoạch hành động này. Chủ động nắm bắt tình hình dư luận xã hội, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái về mục tiêu, giải pháp về xây dựng và phát triển Việt Nam thành quốc gia biển mạnh và những vấn đề có liên quan.

8. Về việc theo dõi, đôn đốc, báo cáo kết quả triển khai thực hiện

- Trong thời gian Chính phủ xem xét, quyết định cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp báo cáo sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 19/10/2026 của Thành ủy; định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu tham mưu Ủy ban nhân dân thành

phố báo cáo Thành Ủy, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Giao các Sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có biển và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05 tháng 01 hàng năm hoặc khi có yêu cầu để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, trong trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị địa phương có liên quan tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- UBMTTQ VN TP;
- ĐU UBND TP;
- Các Ban của TU, các Ban của HĐND TP;
- Các VP: TU, ĐU UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PTTH HP; Cổng TTĐT TP;
- Công báo TP; Chuyên đề ANHP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng thuộc Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, Đ.D.Quỳnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Anh Quân

PHỤ LỤC: DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	**Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia**					
1	Tuyên truyền thông tin về biển và hải đảo; xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh	Sản phẩm bài viết, tờ rơi, bài thuyết trình, pano, áp phích, tài liệu tuyên truyền khác	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030		Ban Tuyên giáo Thành ủy	các sở, ban, ngành; các địa phương
2	Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, đặc biệt là cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo trong giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng, thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về biển	Các buổi hội thảo, đối thoại với người dân, doanh nghiệp; các văn bản lấy ý kiến phản biện xã hội từ các tổ chức, cá nhân	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030		Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	các sở, ban, ngành; các địa phương; cộng đồng người dân và doanh nghiệp

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực lãnh đạo, quản trị biển cấp thành phố và cấp xã	Các tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo, quản trị biển liên quan tới thời hạn xử lý thủ tục hành chính, tỷ lệ dữ liệu cập nhật, số vụ việc/nhiệm vụ giải quyết đúng hạn, mức hài lòng của doanh nghiệp và người dân, tỷ lệ thu gom rác thải biển, mức độ sẵn sàng ứng phó với sự cố...	Năm 2027	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương có biển
II	**Hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo đột phá phát triển quốc gia biển mạnh**					
1	Rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về biển và hải đảo và các lĩnh vực có liên quan	Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; các địa phương
2	Rà soát, tích hợp, cập nhật các quy hoạch đô thị, khu kinh tế, cảng biển, giao thông, năng lượng, thủy sản, du lịch, bảo tồn, đê điều, phòng chống thiên tai... vào Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050	Báo cáo thuyết minh và hệ thống bản đồ quy hoạch	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; các địa phương

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3	Xây dựng Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ thành phố Hải Phòng	Báo cáo thuyết minh Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ thành phố Hải Phòng kèm văn bản ban hành/phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	Năm 2028	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; các địa phương
4	Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ thành phố Hải Phòng	Báo cáo thuyết minh, Hệ thống bản đồ, văn bản ban hành/phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	Năm 2028	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; các địa phương
5	Cập nhật, bổ sung thông tin vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biển	Cơ sở dữ liệu số được cập nhật	Năm 2030		Công an thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành; các địa phương
III	**Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả nguồn lực; phát triển mạnh các doanh nghiệp biển có quy mô lớn**					
1	Phối hợp với các cơ quan Trung ương hoàn thiện cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển các ngành kinh tế biển	Bộ tài liệu cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực	Năm 2027	UBND thành phố	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; các địa phương
IV	**Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực biển chất lượng cao**					
1	Xây dựng và triển khai Đề án "Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển"	Đề án được phê duyệt	Tháng 12/2026	UBND thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Viện, Trường; các địa phương có biển; các sở, ngành có liên quan

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2	Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình Khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030 phù hợp với Nghị quyết số 20-NQ/TW và Đề án "Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển"	Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ	2026-2030	UBND thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; các Viện nghiên cứu, doanh nghiệp
3	Triển khai các hoạt động thử nghiệm, trình diễn, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ biển, hàng hải	Danh mục mô hình/công nghệ được thử nghiệm, trình diễn, chuyển giao; các kết quả ứng dụng công nghệ	2027-2030	UBND thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Viện, Trường, doanh nghiệp
4	Xây dựng, hoàn thiện, tích hợp và khai thác hiệu quả dữ liệu biển thành phố	Xây dựng phần mềm và cập nhật cơ sở dữ liệu biển	Năm 2028	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các địa phương có biển
5	Số hóa di sản văn hóa biển	Số hóa 3D, VR360; xây dựng Video clip và các hình thức trình diễn hiện đại, chất lượng. Xây dựng kho dữ liệu nội dung số mô hình tương tác phục vụ quảng bá xúc tiến du lịch, giáo dục; xây dựng các ứng dụng và trải nghiệm;…	Hằng năm, giai đoạn 2026 - 2029	UBND thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; các địa phương có biển; các đơn vị liên quan

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6	Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030	Khung chương trình đào tạo; chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp; chương trình học bổng, kết nối Nhà quản lý - Nhà trường - Doanh nghiệp; nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển	Năm 2028	UBND thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng, Trường Đại học Hải Phòng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, các trường cao đẳng và đào tạo nghề trên địa bàn thành phố
V	**Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các ngành, lĩnh vực biển mới**					
1	Triển khai các giải pháp phát triển đội tàu vận tải biển hiện đại và dịch vụ logistics hàng hải; hình thành từ 02 - 03 doanh nghiệp vận tải biển thành phố nòng cốt có năng lực khai thác tuyến quốc tế có khả năng huy động vốn và hợp tác với các đối tác nước ngoài.	Nâng cao số lượng tàu, mở thêm tuyến vận tải, nâng cao sản lượng hàng hóa vận chuyển thông qua cảng so với năm 2026	Năm 2030	UBND thành phố	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Công Thương, Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng, các doanh nghiệp tàu vận tải biển
2	Phát triển mô hình/cụm nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao	Ít nhất 01 cụm nuôi biển công nghiệp ứng dụng vật liệu lồng nuôi thân thiện môi trường, sử dụng công nghệ cao	Năm 2030	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương có biển; người dân và doanh nghiệp

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3	Kiểm soát IUU và truy xuất thủy sản	Dữ liệu tàu cá, giám sát hành trình, kiểm soát sản lượng qua cảng, hồ sơ theo dõi	Giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố; Công an thành phố; các địa phương có biển
4	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Tổng thể phát triển du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Kế hoạch thực hiện Đề án	Trong năm 2026	UBND thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các địa phương
5	Xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh *(Theo hình thức thuê dịch vụ triển khai hệ sinh thái du lịch thông minh)*	Hình thành khoảng 6 mô-đun: Quản lý thông minh, Du khách thông minh, Điểm đến thông minh, Doanh nghiệp du lịch thông minh, Cộng đồng thông minh và Hướng dẫn viên thông minh.	Hằng năm, giai đoạn 2026 - 2028	UBND thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan
6	Phát triển du lịch đường thủy Hải Phòng	- Nâng cấp, cải tạo và xây dựng hạ tầng bến bãi, phương tiện du lịch đường thủy và một số điểm trải nghiệm bên sông. - Tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như du thuyền nghỉ đêm, du thuyền nhà hàng, giúp tăng chi tiêu của du khách; Khôi phục và lan tỏa các giá trị văn hóa, lịch sử dọc hai bên bờ sông (Bạch Đằng Giang, sông Cấm, sông Lục Đầu...).	Hằng năm, giai đoạn 2026 - 2030	UBND thành phố	Sở Xây dựng	Các Sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7	Phát triển kinh tế du lịch đêm	Hình thành các tuyến phố, khu phố không ngủ, với các hoạt động như: biểu diễn văn hoá, nghệ thuật; thể thao, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp; mua sắm, giải trí đêm; tham quan du lịch đêm.	Hằng năm, giai đoạn 2026 - 2030	UBND thành phố	Sở Tài chính	Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng; các cơ quan, đơn vị liên quan
8	Phát triển công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực du lịch tại Đồ Sơn	Xây dựng cảng cá Ngọc Hải trở thành khu tránh trú bão kết hợp chợ đầu mối hải sản và điểm đến du lịch trải nghiệm. Chuyển đổi các di sản, nghệ thuật biểu diễn tại Đồ Sơn thành các "hàng hóa" văn hóa có sức hút mạnh mẽ.	Hằng năm, giai đoạn 2026 - 2030	UBND thành phố	UBND phường Đồ Sơn	Các Sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng; các cơ quan, đơn vị liên quan
9	Phát triển điện gió ngoài khơi	Các văn bản báo cáo, đề xuất, đôn đốc, tham gia ý kiến thẩm định, tham gia ý kiến điều chỉnh Quy hoạch theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	Giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố	Sở Công Thương	Đặc khu Bạch Long Vĩ; các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; BCH Quân sự thành phố và các đơn vị có liên quan

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
VI	**Phát triển hạ tầng biển đồng bộ, hiện đại và mở rộng không gian phát triển thành phố**					
1	Phát triển các bến tiếp theo của Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện	Hoàn thành bến số 7, 8, 9, 10	2030	UBND thành phố	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Đảng ủy Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng; đặc khu Cát Hải; các doanh nghiệp chủ đầu tư
		Triển khai bến số 11, số 12	sau năm 2030			
		Báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai các bến còn lại theo tiến độ tăng trưởng sản lượng thực tế				
2	Chuẩn bị và triển khai Cảng Nam Đồ Sơn theo nhu cầu sức tải	Hồ sơ đầu tư, hạ tầng khởi động, hành lang kết nối, giám sát môi trường	Giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; phường Nam Đồ Sơn
3	Thành lập Trung tâm logistics quốc tế gắn cảng và Khu thương mại tự do	Trung tâm có nhà đầu tư, kho dịch vụ - hải quan số vận hành	Năm 2030	UBND thành phố	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, ngành: Xây dựng, Công Thương, Chi cục Hải quan Khu vực III
4	Xây dựng và triển khai Đề án nghiên cứu khôi phục và phát triển ngành đóng tàu thành phố Hải Phòng	Đề án	Trình BTV Thành ủy trong tháng 12/2026; triển khai theo lộ trình được phê duyệt	UBND thành phố	Sở Công Thương	Các sở, ngành: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, các doanh nghiệp
5	Xây dựng và triển khai Đề án "Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại, gắn với cảng biển	Đề án	2026-2035	UBND thành phố	Sở Công Thương	Các sở, ngành: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; các địa

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	quốc tế, kết nối với các tuyến hành lang, vành đai kinh tế.”					phương và đơn vị liên quan
6	Phát triển hệ thống đô thị biển hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Xây dựng và vận hành các khu đô thị biển hiện đại, xanh, thông minh	Năm 2030 và sau khi có quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá đô thị xanh thông minh	UBND thành phố	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các doanh nghiệp
7	Triển khai gói hạ tầng thiết yếu Bạch Long Vĩ, Cát Hải	Hoàn thiện đầu tư, xây dựng và vận hành khai thác hệ thống điện, nước, lưu trữ, viễn thông, y tế, hệ thống xử lý chất thải, kho dự phòng và cảng lưỡng dụng	2026-2030	UBND thành phố	Đặc khu Bạch Long Vĩ, đặc khu Cát Hải	Các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, BCH Quân sự thành phố, Công an thành phố
VII	**Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các địa phương ven biển, hải đảo**					
1	Bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, đảo và vùng ven biển	Báo cáo kết quả thực hiện	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Viện, Trường, cơ sở bảo tồn; các địa phương có biển

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2	Thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu	Quyết định thành lập Khu bảo tồn	Năm 2027	UBND thành phố	Vườn Quốc gia Cát Bà	Sở Nông nghiệp và Môi trường, đặc khu Cát Hải
3	Nâng cao năng lực điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo; phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Các chương trình, kế hoạch được ban hành/phê duyệt; các báo cáo tình hình thực hiện	Năm 2030	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương có biển; các sở, ban, ngành có liên quan
VIII	**Phát triển văn hóa biển, nâng cao đời sống người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**					
1	Đề án nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội người dân vùng biển đảo	Bản thuyết minh Đề án và văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	Tháng 5/2027	UBND thành phố	Các địa phương có biển	Các sở, ban, ngành có liên quan; các địa phương có biển
2	Củng cố thế trận lòng dân trên biển, phát huy vai trò của ngư dân, cư dân biển là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển	Tuyên truyền, vận động người dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Hằng năm		Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Công an thành phố; các địa phương có biển
IX	**Bảo đảm quốc phòng, an ninh biển; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế về biển**					

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tăng cường xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên biển vững chắc, gắn chặt với thế trận lòng dân ở các địa phương ven biển, hải đảo	Báo cáo tình hình thực hiện	Hằng năm		Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; Công an thành phố	Các sở, ban, ngành liên quan; các địa phương có biển
2	Tiếp tục củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo vững mạnh, liên hoàn, có trọng tâm, trọng điểm; triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với dân sinh, giữa lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật và ngư dân, với phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa	Danh mục công trình; phương án an ninh vật lý, mạng, dự phòng	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030		Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; Công an thành phố	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Công an thành phố; các địa phương có biển
3	Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển, đảo cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Quân số lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển, đảo	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030		Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Công an thành phố; các sở có liên quan; các địa phương có biển
4	Mở rộng quan hệ, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về biển và đại dương	Các chương trình hợp tác quốc tế, bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác...	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố	Sở Ngoại vụ	các sở, ban, ngành; các địa phương có liên quan
X	**Tổ chức thực hiện**					

STT	Tên đề án/dự án/nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Phối hợp xây dựng và áp dụng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá phát triển quốc gia biển mạnh làm căn cứ đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu các cấp	Bộ chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá	Giai đoạn 2027-2030	UBND thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; các địa phương
2	Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; kiên quyết xử lý nghiêm vi phạm	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện	Hằng năm	UBND thành phố	Thanh tra thành phố	Các sở, ban, ngành; các địa phương
3	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển quốc gia biển mạnh	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030		Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	UBND thành phố; các sở, ban, ngành; các địa phương